

Số: /KH-SNNMT

Hải Phòng, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình “Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2035” của Sở Nông nghiệp và Môi trường năm 2026

Thực hiện Kế hoạch số 208/KH-UBND ngày 09/6/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố về thực hiện Chương trình “Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2035” trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Sở Nông nghiệp và Môi trường ban hành Kế hoạch Thực hiện Chương trình “Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2035” của Sở Nông nghiệp và Môi trường năm 2026, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU VÀ TẦM NHÌN

Mục tiêu đến năm 2030

Tập trung triển khai 06 nhóm mục tiêu cụ thể như sau: (1) Phục vụ giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công trực tuyến và đổi mới sáng tạo chỉ đạo, điều hành; (2) Thúc đẩy phát triển kinh tế số xã hội số; (3) Phục vụ phát triển công dân số; (4) Mở rộng hạ tầng, hoàn thiện hệ sinh thái phục vụ tạo lập, kết nối, khai thác, bổ sung làm giàu dữ liệu; (5) Đảm bảo an sinh xã hội và phục vụ phòng, chống tội phạm, bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội; (6) Phục vụ nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo.

(Chi tiết các chỉ tiêu và nội dung thực hiện tại Phụ lục I kèm theo)

Kết nối 100% dữ liệu chuyên ngành: Hoàn thiện, số hóa và kết nối liên thông dữ liệu nông nghiệp và môi trường với Cơ sở dữ liệu (CSDL) quốc gia về dân cư.

Cắt giảm thủ tục giấy tờ: Đảm bảo người dân và doanh nghiệp thực hiện các thủ tục về nông nghiệp và môi trường một cách nhanh chóng, phi địa giới hành chính.

Tái sử dụng dữ liệu: Áp dụng triệt để việc tái sử dụng thông tin số hóa, giảm thiểu việc yêu cầu người dân xuất trình giấy tờ vật lý.

Tầm nhìn đến năm 2035

Mọi giao dịch giữa người dân và Sở Nông nghiệp và Môi trường đều được thực hiện trên môi trường số.

Quản trị dựa trên dữ liệu: Ra quyết định quản lý trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường dựa trên dữ liệu thời gian thực (Real-time).

Dịch vụ cá nhân hóa: Người dân, nông dân và doanh nghiệp được cung cấp các dịch vụ số tự động, tối ưu theo nhu cầu cá nhân và sản xuất, kinh doanh.

II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM (GIAI ĐOẠN 2026 - 2030)

Tập trung vào các nhóm nhiệm vụ cốt lõi sau:

- Thực hiện thu thập, số hóa dữ liệu, phối hợp đối chiếu dữ liệu đảm bảo tính đồng bộ. Quản lý, xây dựng và làm sạch hệ thống dữ liệu theo tiêu trí “đúng, đủ, sạch, sống”:

- + Cơ sở dữ liệu đất đai: Hoàn thiện, cập nhật liên tục để đảm bảo dữ liệu "đúng, đủ, sạch, sống". Thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu với CSDL quốc gia về dân cư theo đúng tiến độ.

- + CSDL chuyên ngành nông nghiệp và môi trường: Hoàn thiện, cập nhật liên tục các CSDL chuyên ngành; Hệ thống thông tin nông sản (*Số hóa, cập nhật liên tục thông tin vùng trồng; hộ sản xuất chế biến, trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản để phục vụ truy xuất nguồn gốc*).

- Cải cách thủ tục hành chính (TTHC) và dịch vụ công trực tuyến:

- + Tái cấu trúc quy trình các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Sở.

- + Ứng dụng VNeID: Đồng bộ trạng thái xử lý hồ sơ đất đai, giấy chứng nhận thuộc thẩm quyền Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp lên ứng dụng VNeID.

- + Cắt giảm giấy tờ: Triển khai sử dụng thông tin dân cư trực tiếp từ hệ thống, thay thế giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất/giấy tờ bản giấy trong các giao dịch hành chính.

- Đảm bảo điều kiện hạ tầng và an toàn thông tin:

- + Nâng cấp hạ tầng: Rà soát, đề xuất đầu tư trang thiết bị kỹ thuật đáp ứng tiêu chuẩn kết nối.

- + Bảo mật dữ liệu: Phối hợp với Công an thành phố phân quyền khai thác dữ liệu, đảm bảo tuyệt đối an toàn thông tin cá nhân của công dân và tài khoản của hệ thống.

- Phát triển nguồn nhân lực và tuyên truyền:

- + Đào tạo kỹ năng: Tổ chức tập huấn, nâng cao trình độ CNTT và nghiệp vụ số cho cán bộ, công chức.

- + Tuyên truyền Bình dân học vụ số: Hướng dẫn hộ nông dân, doanh nghiệp đặc biệt doanh nghiệp nhỏ và vừa ứng dụng công nghệ, khai thác tiện ích dịch vụ công trực tuyến lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

(Danh mục các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện tại Phụ lục II kèm theo)

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Phân công trách nhiệm

1. Các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở triển khai thực hiện các nhiệm vụ Kế hoạch. Trưởng các phòng chuyên môn, Thủ trưởng các đơn vị chịu

trách nhiệm toàn diện trước Giám đốc Sở về tiến độ và kết quả thực hiện theo kế hoạch.

2. Phòng Kế hoạch - Tài chính:

- + Chủ trì lập dự toán kinh phí thực hiện hằng năm trình các cấp thẩm định.
- + Tham mưu, theo dõi đôn đốc việc tổ chức thực hiện Kế hoạch này.

3. Chế độ báo cáo: Định kỳ vào **ngày 8 hằng tháng** các phòng, đơn vị báo cáo tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ theo Kế hoạch về Sở (*qua phòng Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư*) để tổng hợp gửi Công an thành phố.

Các phòng, đơn vị căn cứ nhiệm vụ được phân công khẩn trương thực hiện; trong quá trình triển khai nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, phản ánh bằng Văn bản (*qua phòng Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư*) tổng hợp báo cáo Giám đốc Sở xem xét, chỉ đạo giải quyết/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD để báo cáo;
- Các Phó Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, VP.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Lương Thị Kiểm